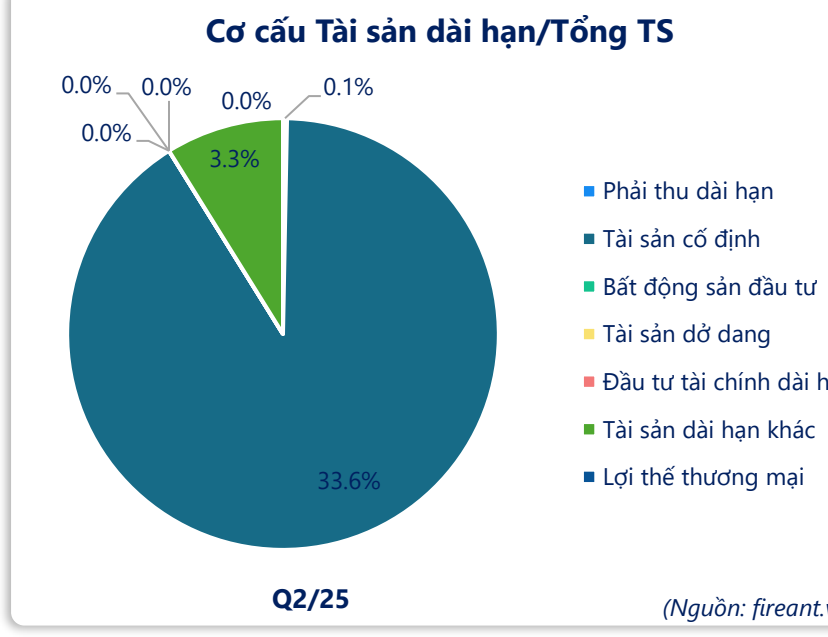
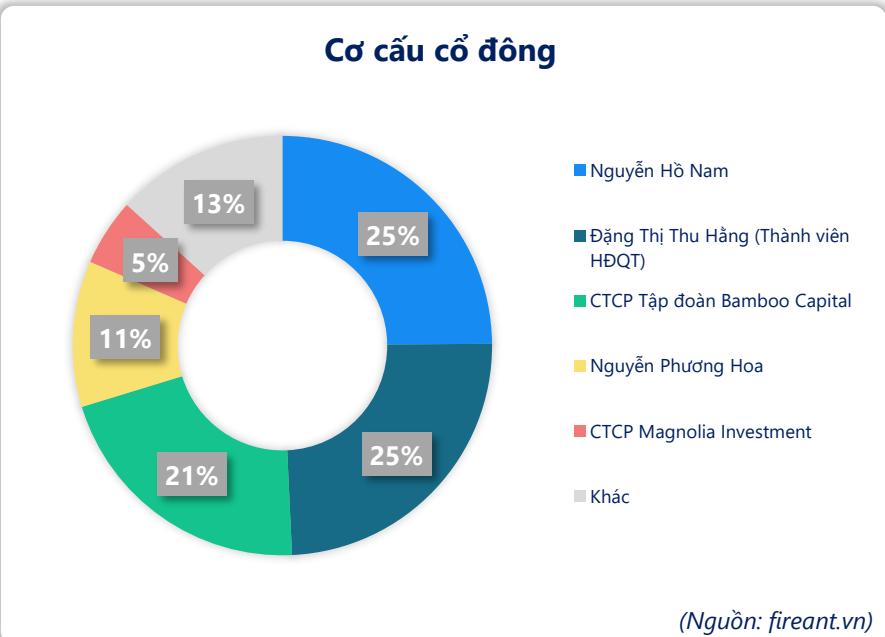
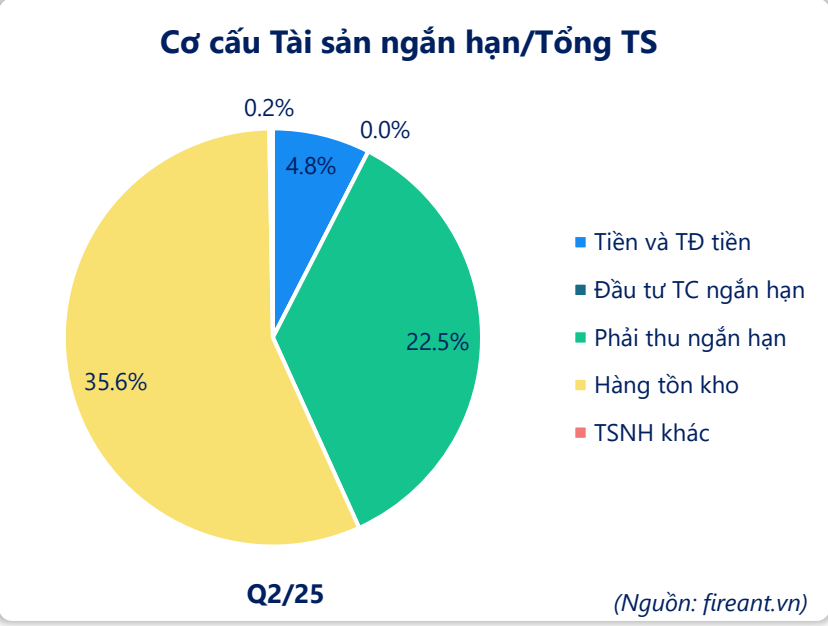
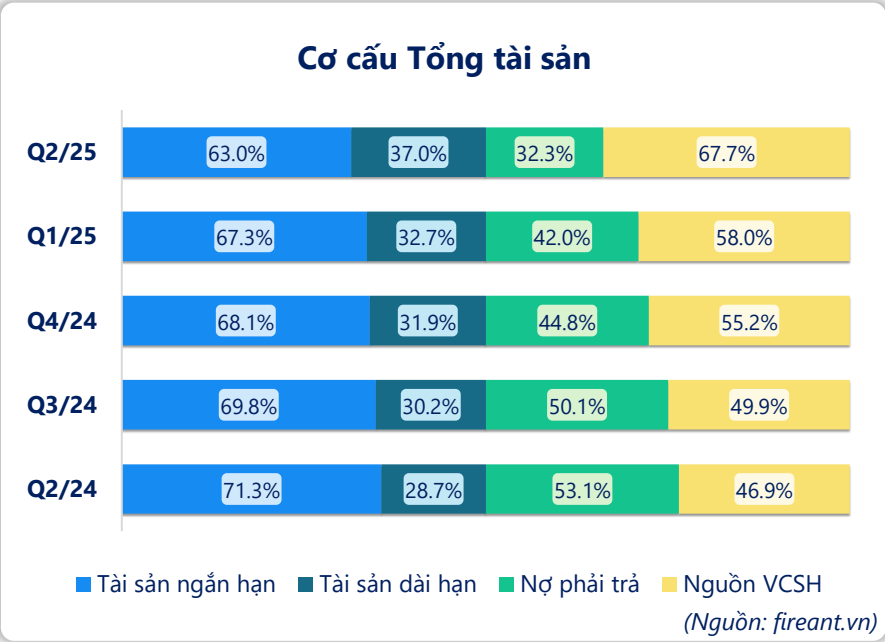
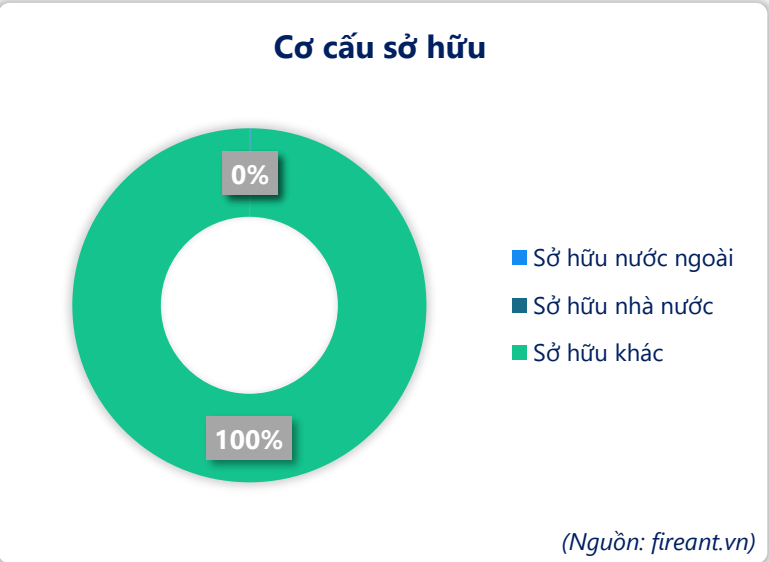
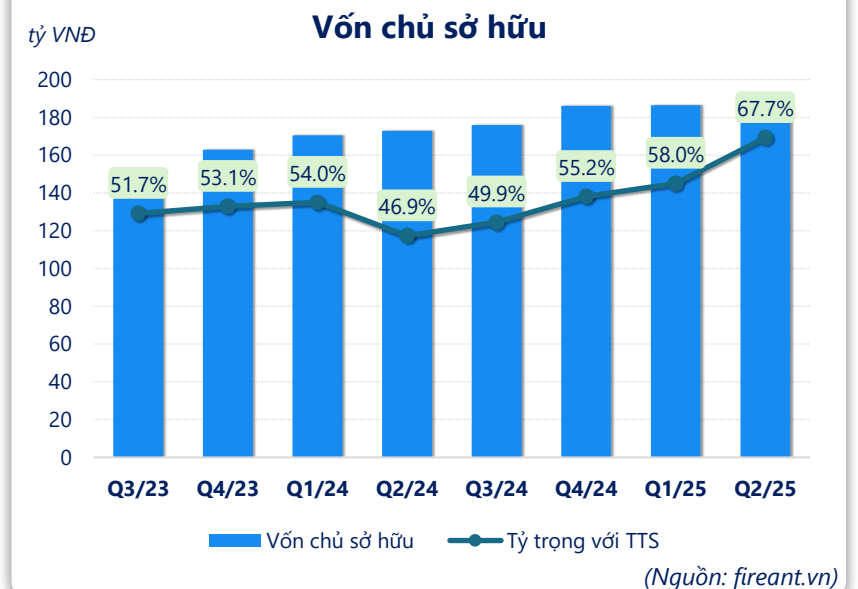
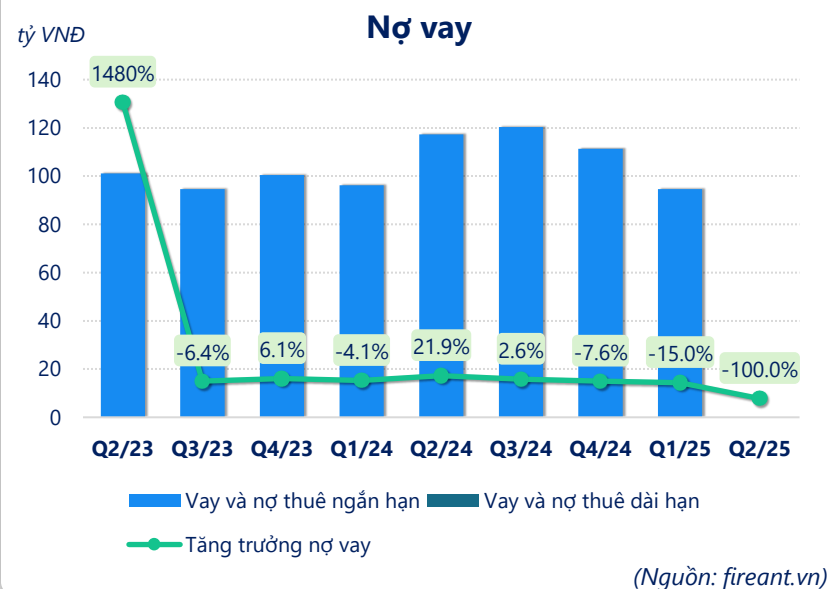
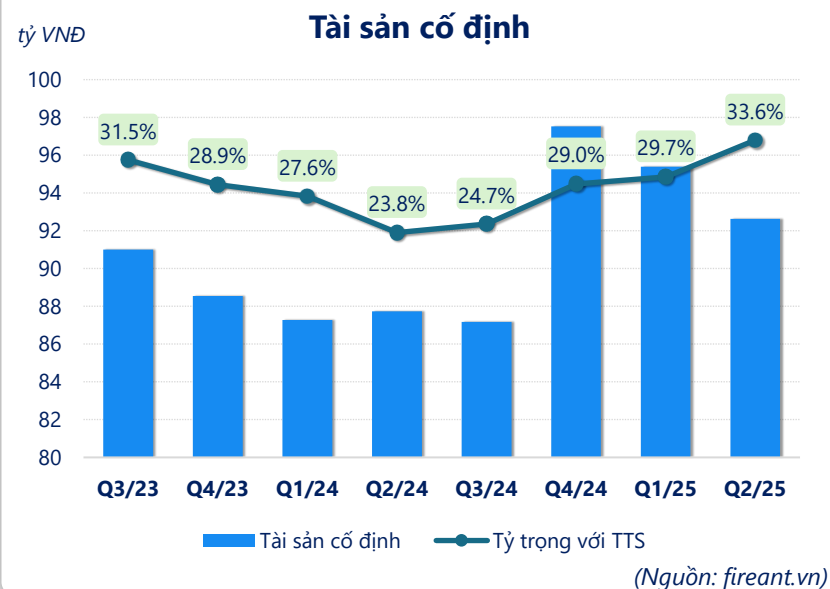
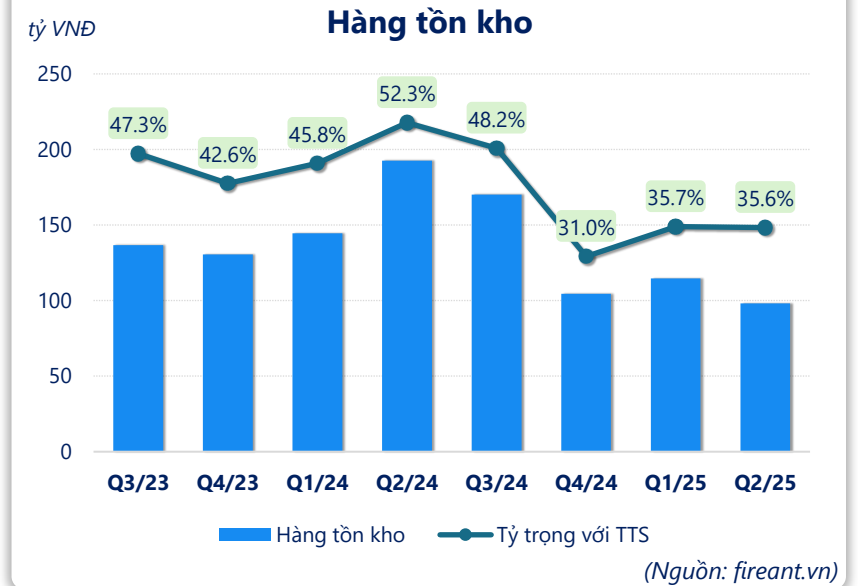
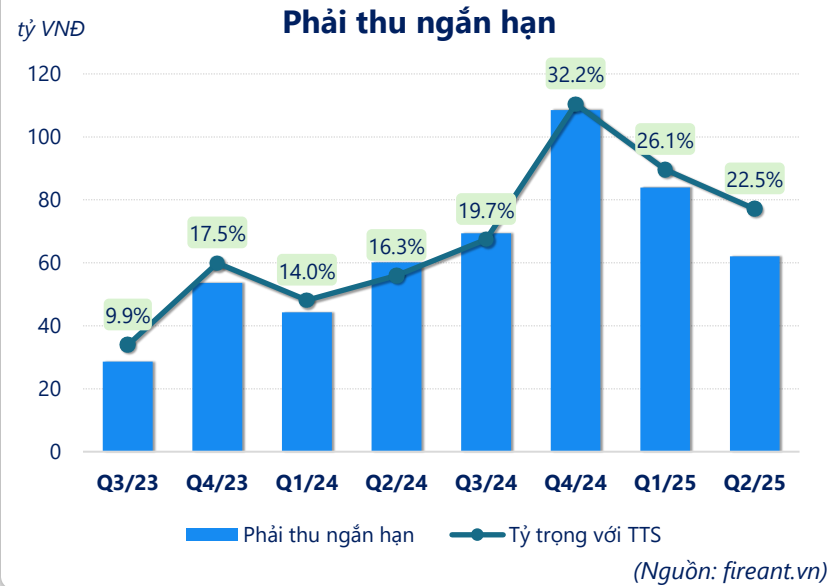
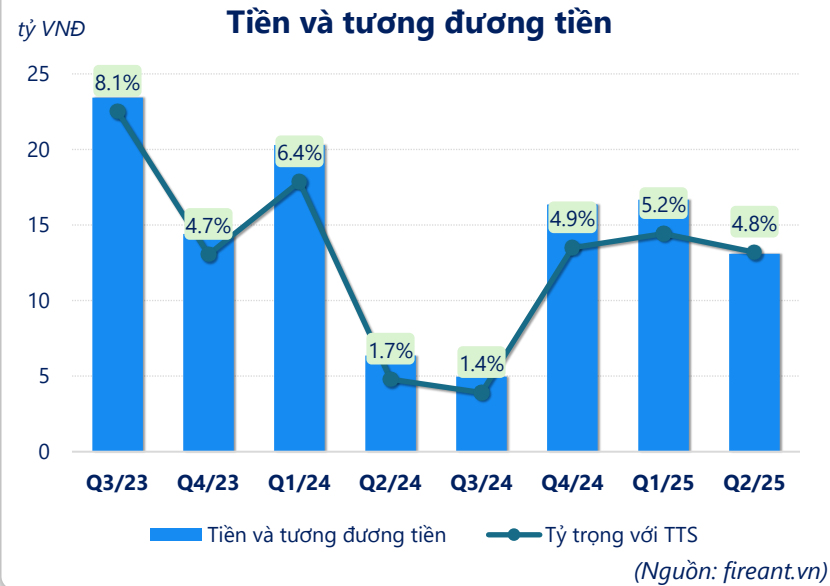
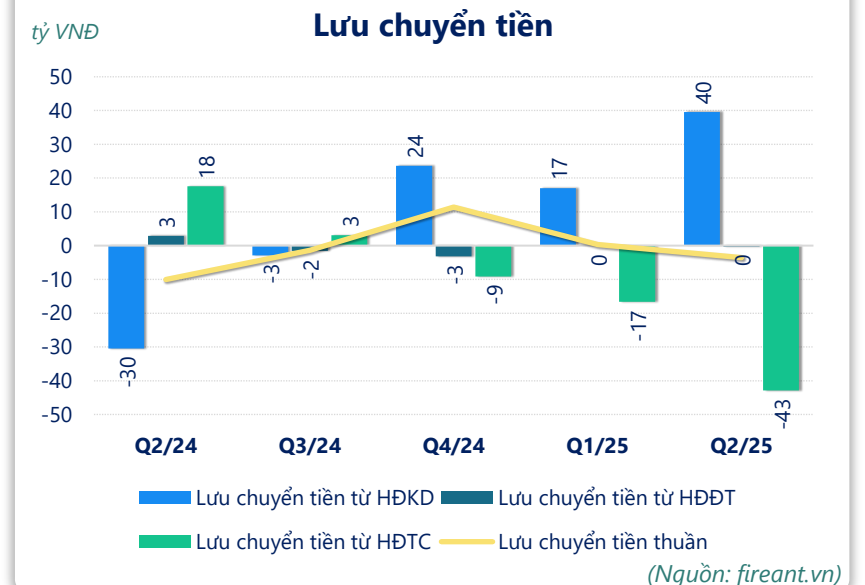
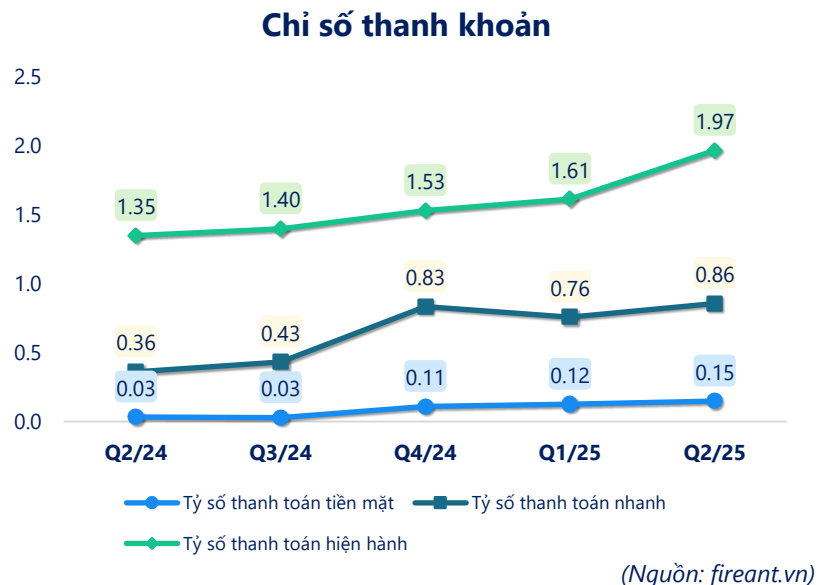
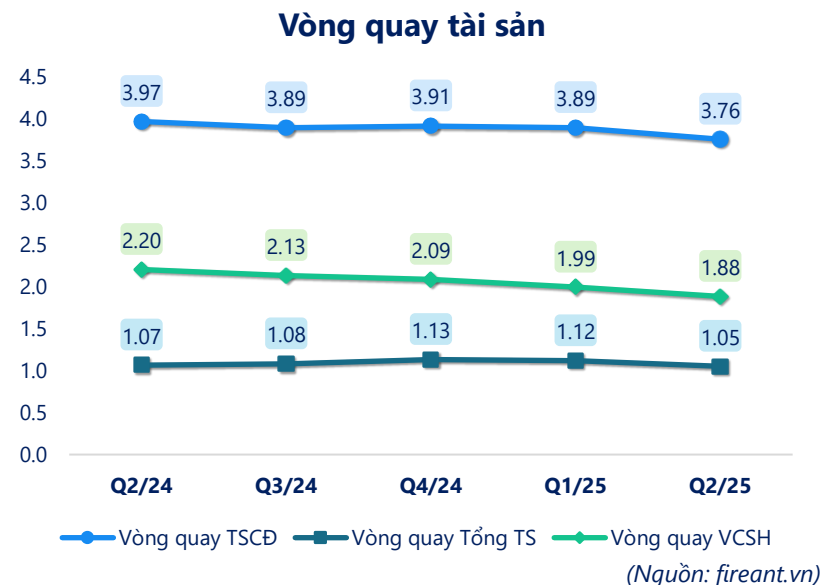
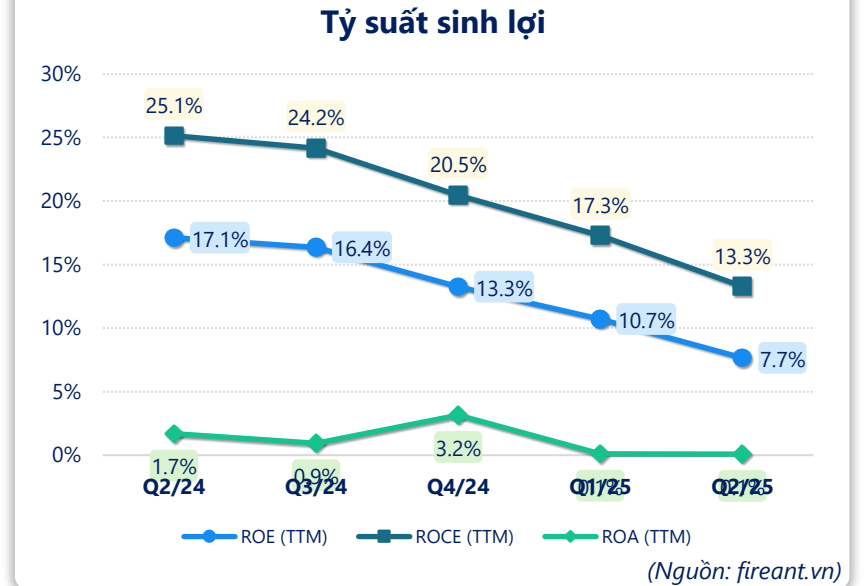
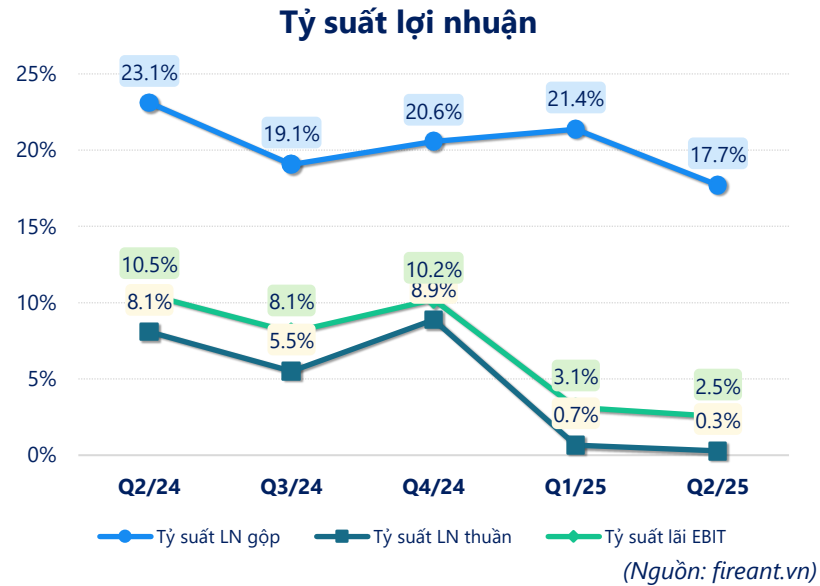
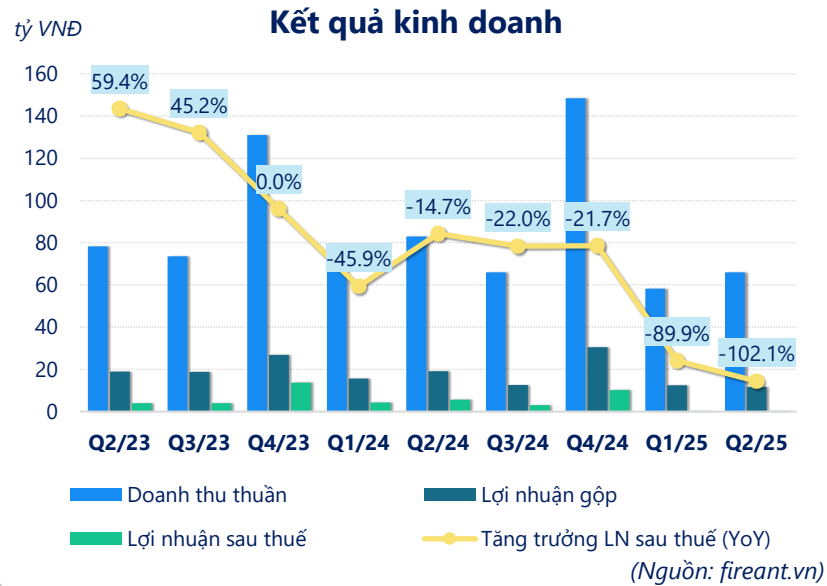


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,520
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,368
SL cổ phiếu LH		8,352,573
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,050
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		138
P/E		10.0
EPS		1,649

	YTD	1T	3T	6T
DTG	-12.3%	12.1%	-5.7%	-16.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	276	337	-18.1%
Tài sản ngắn hạn	174	230	-24.3%
Tiền và tương đương tiền	13.1	16.4	-19.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	62.0	109	-42.8%
Hàng tồn kho	98.2	104	-6.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	0.18	167%
Tài sản dài hạn	102	107	-5.0%
Phải thu dài hạn	0.31	0.31	0.0%
Tài sản cố định	92.6	97.5	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.03	9.50	-4.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.0	151	-40.9%
Nợ ngắn hạn	88.4	150	-41.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	111	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.0	19.0	26.4%
Nợ dài hạn	0.67	0.73	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	187	186	0.3%
Vốn chủ sở hữu	187	186	0.3%
Vốn điều lệ	83.5	83.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	82.9	66.0	148	58.3	65.9
Giá vốn hàng bán	63.8	53.4	118	45.8	54.3
Lợi nhuận gộp	19.2	12.6	30.5	12.5	11.7
Doanh thu HĐTC	0.02	0.23	0.05	0.15	0.03
Chi phí TC	0.82	1.68	1.94	1.39	1.54
Chi phí lãi vay	1.82	1.67	1.82	1.39	1.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.10	2.75	3.75	2.53	2.97
Chi phí QLDN	8.54	4.77	11.7	8.29	7.01
LN thuần từ HĐKD	6.71	3.63	13.2	0.39	0.19
Lợi nhuận khác	0.17	0.02	0.14	0.05	0.12
LN trước thuế	6.89	3.65	13.3	0.44	0.31
Lợi nhuận sau thuế	5.69	2.99	10.1	0.35	0.29
LNST của CĐ cty mẹ	5.64	2.99	10.1	0.35	0.29

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.4	-2.89	23.7	17.0	39.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.85	-1.61	-3.15	-0.05	-0.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.5	3.11	-9.11	-16.7	-42.9
Tiền đầu kỳ	20.3	6.37	4.97	16.4	16.7
Lưu chuyển tiền thuần	-10.0	-1.40	11.4	0.32	-3.58
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	6.37	4.97	16.4	16.7	13.1

(Nguồn: fireant.vn)